

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2024

V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Lâm Giang

2. Ông: Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: bà Đồng Khánh Ly – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giáp Thị H, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Công N, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Giáp Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Công N vào ngày 06/01/2020 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND S, huyện T. Sau khi kết hôn anh N về nhà chị Sinh sống, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến giữa tháng 12 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có mối quan hệ nam nữ với người khác, không quan tâm đến chị, vợ chồng có sảy ra mâu thuẫn, bất đồng, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Công N.

Về con chung: vợ chồng chị không có con chung

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Trần Công N không đến làm việc, qua xác minh tại địa phương được biết anh N có đăng ký kết hôn với chị H, sau khi kết hôn anh N về chung sống tại nhà chị H. thời gian gần đây anh N đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nay anh N có đơn đề nghị xử vắng mặt và nhất trí ly hôn chị Giáp Thị H

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải;

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm và đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 56; Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Giáp Thị H: Xử cho chị Giáp Thị H được ly hôn anh Trần Công N.

Về con chung. Không có; Về tài sản chung, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về tiền án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo. Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Giáp Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Công N, xác định quan hệ tranh chấp; "ly hôn". Bị đơn anh Trần Công N đăng ký hộ khẩu thường trú

thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý, giải quyết anh N được triệu tập nhưng không đến làm việc; Tòa án đã niêm yết các vắng bản tố tụng theo đúng quy định, nay anh N có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Công N.

[2] Xét đơn khởi kiện: Chị Giáp Thị H kết hôn cùng với anh Trần Công N vào ngày 06/01/2020 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, anh N về nhà chị H sinh sống, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do do anh N thường xuyên vắng nhà, chị H nghi ngờ anh N có mối quan hệ nam nữ bất chính với người khác, nên không quan tâm đến vợ. Vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay chị H xin ly anh N, mặc dù anh N không đến làm việc nhưng anh gửi đơn về Tòa án cho biết anh đồng ý ly hôn chị H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được việc chị H xin ly hôn anh N là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Giáp Thị H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Giáp Thị H được ly hôn anh Trần Công N

[3] Về con chung: Chị H, anh N không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 56; Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân.

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Giáp Thị H. Xử cho chị Giáp Thị H được ly hôn anh Trần Công N

2. Về tiền án phí: Chị Giáp Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0006911 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh